| | |
|---|---|
| **TOÀ ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN CẦU NGANG**<br>**TỈNH TRÀ VINH** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: 67/2025/QĐST-DS | *Cầu Ngang, ngày 20 tháng 5 năm 2025* |

# QUYẾT ĐỊNH
# CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 12 tháng 5 năm 2025 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 114/2024/TLST-DS, ngày 19 tháng 11 năm 2024.

## XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

## QUYẾT ĐỊNH:

**1.** Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP S.
Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức Thạch D; Chức vụ: Tổng giám đốc.
Địa chỉ: số B, đường N, phường V, quận C, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Phạm Trung Ngọc H; Chức vụ: Trưởng phòng G, Ngân hàng TMCP S (S1-Chi nhánh T2); theo quyết định số 1689/2021/QĐ-NS ngày 16/4/2021, về việc tái bổ nhiệm chức vụ Trưởng phòng giao dịch Cầu Ngang do Tổng giám đốc Ngân hàng TMCP S ký ban hành.

Là người đại diện theo Quyết định số 3525/2023/QĐ-PC ngày 25/12/2023, về việc Ủy quyền ký hợp đồng/thoả thuận, văn bản và tham gia tố tụng do Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP S ký và ban hành.

Địa chỉ trụ sở: S1 – CN T - PGD C: Khóm M, thị trấn C, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

Ông Phạm Trung Ngọc H, uỷ quyền cho ông Trần Đa R, Phó phòng – phòng G trực thuộc Ngân hàng TMCP S Chi nhánh T2.

Bị đơn: - Bà Kiên Thị T, sinh năm 1979.
- Ông Thạch T1, sinh năm 1974;
Địa chỉ: Ấp C, xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

**2.** Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1 Về số tiền gốc và tiền lãi suất:

- Đối với tiền vay thế chấp: Chị Kiên Thị T và anh Thạch T1 tự nguyện trả cho Ngân hàng TMCP S số tiền vốn là 224.202.255 đồng (*Trong đó tiền gốc 181.249.173 đồng và lãi trong hạn số tiền là 37.468.185 đồng và lãi quá hạn là 5.484.897 đồng*) và tiền lãi suất phát sinh tính từ ngày 13/5/2025 cho đến khi trả hết nợ cho Ngân hàng TMCP S.

- Đối với tiền thẻ tín dụng: Anh Thạch T1 tự nguyện trả cho Ngân hàng TMCP S số tiền gốc còn nợ là 61.055.787 đồng cho Ngân hàng TMCP S và lãi suất phát sinh tính từ ngày 13/5/2025 cho đến khi trả hết nợ cho Ngân hàng TMCP S.

Ông Trần Đa R đại diện của Ngân hàng TMCP S đồng ý nhận số tiền gốc và tiền lãi suất mà chị Kiên Thị T và anh Thạch T1 đã tự nguyện trả nêu trên.

2.2 Về thời hạn trả tiền gốc và tiền lãi suất: Ông Trần Đa R đại diện Ngân hàng TMCP S và chị Kiên Thị T cùng anh Thạch T1 tự nguyện thỏa thuận do Chi cục thi hành án dân sự huyện Cầu Ngang giải quyết theo Luật thi hành án dân sự.

2.3 Về lãi suất chậm trả: Ông Trần Đa R đại diện Ngân hàng TMCP S tự nguyện thỏa thuận kể từ ngày 13/5/2025 chị Kiên Thị T và anh Thạch T1 còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng số 202126122239, ngày 17/5/2021 và giấy nhận nợ LD2113800683 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay trong từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2.4 Về hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất:

Chị Kiên Thị T và anh Thạch T1 đồng ý giao tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 202126122239 ngày 17/5/2021, cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S để đề nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ gồm: Thửa đất số 962, tờ bản đồ số 2, diện tích 11.601 $m^2$ toạ lạc tại ấp C, xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh do bà Kiên Thị T đứng tên quyền sử dụng đất.

2.5 Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Chị Kiên Thị T và anh Thạch T1 thuộc diện người dân tộc thiểu số sinh sống ở ấp có điều kiện kinh tế đặc biệt khó khăn và có đơn xin miễn nộp tiền án phí. Căn cứ vào điểm đ khoản 01 Điều 12, Điều 14, 15 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Chị Kiên Thị T và anh Thạch T1 được miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Ngân hàng Thương mại Cổ phần S không phải chịu án phí. Hoàn trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S 7.328.439 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền

số 0011460, ngày 13 tháng 11 năm 2024 do Chi cục thi hành án dân sự huyện Cầu Ngang thu.

2.6. Về chi phí tố tụng: Chị Kiên Thị T và anh Thạch T1 tự nguyện nộp 700.000 đồng.

Hoàn trả lại cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S2 số tiền 700.000 đồng tiền chi phí thẩm định tài sản thu từ chị Kiên Thị T và anh Thạch T1 có nghĩa vụ nộp.

**3 .** Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

**4.** Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 02 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***
- TAND tỉnh;
- Viện kiểm sát huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

**THẨM PHÁN**

(đã ký)

**Lê Thị Tranh**